

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 670/2025/DS-PT

Ngày: 25 -11-2025

V/v: Tranh chấp di sản thừa kế

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

Các Thẩm phán:

Ông Trần Tuấn Quốc

Bà Nguyễn Thị Trang Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Mỹ Yên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 11 năm 2025, Tòa án nhân dân thành phố cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 299/2025/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp di sản thừa kế*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 48/2025/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang nay là Tòa án nhân dân khu vực 14, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 631/2025/QĐPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Phùng Thị D, sinh năm 1950. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp P, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang (Nay là xã C, thành phố Cần Thơ)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Phạm Thị L, công ty L2 (Có mặt)

Địa chỉ: Số B, T, phường N, thành phố Cần Thơ.

2. **Bị đơn:** Ông Phùng Văn Ú, sinh năm 1958. Có mặt

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Lê Bình D1 – Văn phòng luật sư Nguyễn Thy Hậu G – Đoàn luật sư tỉnh H. (có đơn xin vắng)

Địa chỉ: số C N, phường E, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Phùng Văn V, sinh năm 1951. (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, Hậu Giang.

Ông Phùng Văn U, sinh năm 1943. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã Đ, huyện C, Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phùng Văn U và ông Phùng Văn V là Luật sư Phạm Thị L, công ty L2

Chị Phùng Thị Diễm H, sinh năm 1993. (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, Hậu Giang.

- Ông Phùng Văn H1 (đã chết) có các hàng thừa kế gồm:

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1939 (vợ ông H1). Xin vắng mặt

- Phùng Văn T1, sinh năm 1959.

- Phùng Thị T2, sinh năm 1960. (có mặt)

- Phùng Thị H2, sinh năm 1967.

- Phùng Thị H3, sinh năm 1970.

- Phùng Văn T3, sinh năm 1975.

- Phùng Thị V1, sinh năm 1979

- Phùng Thị Út C, sinh năm 1981 (có mặt)

- Phùng Văn Ú, sinh năm 1984 (có mặt)

Cùng trú tại: ấp T, xã Đ, huyện C, Hậu Giang (Nay là xã Đ, thành phố Cần Thơ).

- Phùng H4, sinh năm 1968. Xin vắng mặt

Địa chỉ: số C T, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Phùng Thị D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án bà Phùng Thị T2, ông Phùng Văn U, ông Phùng Văn V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Phùng Thị D và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thống nhất trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha, mẹ nguyên đơn cho người chị thứ 6 là Phùng Thị L1, đã chết năm 2022. Lúc sinh thời chị Phùng Thị L1 không chồng, không con, cha, mẹ ruột đã chết và không có người thừa kế trực tiếp. Theo đo đạc thực tế 6.645,9 m² nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế phần đất này ra làm phần cho

Phùng Thị D, anh Phùng Văn U, anh Phùng Văn V, Phùng Văn Ú và anh Phùng Văn H1 (đã chết) sẽ do vợ và các con hưởng phần thừa kế này. Nguyên đơn sẽ đại diện nhận các phần thừa kế của anh Phùng Văn H1 (có vợ và các con thừa kế), anh Phùng Văn U, ông Phùng Văn V, sau khi bản án có hiệu lực nguyên đơn sẽ chia lại bằng tiền hoặc hiện vật cho các anh em. Phần nhà do chị Phùng Thị L1 để lại và phần đất mồ mả giao cho anh Phùng Văn U quản lý sử dụng thờ cúng chung cho dòng họ. Đề nghị Tòa án buộc cháu Phùng Thị Diễm H giao trả nhà và đất thuộc di sản thờ cúng và giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Phùng Thị L1, nguyên đơn không đồng ý chia đất cho cháu Phùng Thị Diễm H. Phần cây trồng là do Phùng Thị Diễm H trồng nhưng lúc trồng không hỏi ý kiến của chị tôi Phùng Thị L1, nguyên đơn đề nghị Phùng Thị Diễm H tự đi dời hoặc đốn bỏ. Phần cát ông Phùng Văn Ú tự bơm cát nên tôi không đồng ý bồi thường 40.000.000đồng. Đối với phần nhà của ông Phùng Văn Ú đề nghị Tòa án buộc ông Ú di dời trả lại đất cho những người được chia thừa kế. Nguyên đơn thống nhất lược đo đạc, thống nhất chứng thư thẩm định giá.

** Phần trình bày của bị đơn Phùng Văn Ú:*

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha, mẹ cho chị Phùng Thị L1 (đã chết năm 2022 không chồng, con, không người thừa kế trực tiếp). Bị đơn đồng ý chia đều cho các anh chị em mỗi người một phần và con gái Phùng Thị Diễm H 1 phần, bị đơn xin nhận một phần bằng hiện vật là đất bằng với các anh, chị em. Riêng phần số I bị đơn đồng ý làm di sản thờ cúng theo lược đồ gồm nhà thờ tổ, khu mộ nhưng yêu cầu để lại cho con gái là Phùng Thị Diễm H làm nơi ở và thờ cúng ông bà vì từ nhỏ Phùng Thị Diễm H đã sống với mẹ là bà Phan Thị B và chị Phùng Thị L1. Cây trồng trên đất của chị Phùng Thị L1 do con tôi Phùng Thị Diễm H trồng và canh tác đã được sự đồng ý của chị L1 lúc còn sống. Ngoài ra bị đơn có bỏ tiền ra bơm cát nền nhà cho chị L1 và con đường vô đất khoản 2 năm trước, giá bơm cát là 40.000.000 đồng do tôi thuê con rể bà Phùng Thị D tên Trần Văn M bơm cát cho tôi. Do phần đất bơm cát làm di sản thờ cúng nên bị đơn xin rút yêu cầu các đồng thừa kế trả lại tiền.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Ông Phùng Văn U trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha mẹ tôi cho người em thứ 6 là Phùng Thị L1, đã chết năm 2022 không chồng, con. Theo đo đạc thực tế 6.645,9 m². Ông U đề nghị chia thừa kế phần đất này cho các anh em mỗi người 1 phần cho Phùng Thị D, anh Phùng Văn U, anh Phùng Văn V, anh Phùng Văn H1 (đã chết) sẽ do vợ và các con hưởng phần thừa kế này và phần Phùng Văn Ú. Phần ông được hưởng ông giao cho bà Phùng Thị D toàn

quyền quyết định và sử dụng, sau này bà D sẽ trả lại cho ông bằng tiền hoặc hiện vật. Phần di sản thờ cúng theo đo đạc vị trí số I là nhà do em L1 để lại và phần đất mồ mả các anh em thống nhất làm di sản thờ cúng và giao cho ông quản lý ông đồng ý. Sau khi được giao phần di sản thờ cúng ông sẽ về ở để chăm sóc.

Ông Phùng Văn V trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha mẹ tôi cho người em thứ 6 là Phùng Thị L1, đã chết năm 2022 không chồng, con. Theo đo đạc thực tế 6.645,9 m². Ông V đề nghị chia thừa kế phần đất này cho các anh em mỗi người 1 phần cho Phùng Thị D, anh Phùng Văn U, anh Phùng Văn V, anh Phùng Văn H1 (đã chết) sẽ do vợ và các con hưởng phần thừa kế này và phần Phùng Văn Ú. Phần ông được hưởng ông giao cho bà Phùng Thị D toàn quyền quyết định và sử dụng, sau này bà D sẽ trả lại cho ông bằng tiền hoặc hiện vật. Phần di sản thờ cúng theo đo đạc vị trí số I là nhà do em L1 để lại và phần đất mồ mả các anh em thống nhất làm di sản thờ cúng và giao cho ông Phùng Văn U quản lý sử dụng làm di sản thờ cúng.

Anh Phùng Văn Ú và bà Phùng Thị T2 (con ông Phùng Văn H1) trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông, bà nội cho người Cô thứ 6 là Phùng Thị L1, đã chết năm 2022 không chồng, con. Theo đo đạc thực tế 6.645,9 m² đề nghị chia thừa kế phần đất này cho các anh em của ba chúng tôi mỗi người 1 phần gồm: bà Phùng Thị D, ông Phùng Văn U, anh Phùng Văn V, ông Phùng Văn Ú, phần ba tôi Phùng Văn H1 (đã chết), sẽ do mẹ và các anh chị em tôi hưởng phần thừa kế này. Mẹ và các anh, chị, em của tôi thống nhất giao cho cô Phùng Thị D đứng ra đại diện nhận thừa kế, sau này cô Phùng Thị D sẽ chia lại cho chúng tôi bằng tiền hoặc hiện vật, nếu phát sinh tranh chấp chúng tôi sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Phần đất vị trí I là nhà thờ và phần đất mồ mả đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị Phùng Thị Diễm H trình bày: Phần đất tranh chấp giữa cha tôi và các cô, bác trong gia đình là do cô là Phùng Thị L1 để lại. Tôi sinh sống với bà nội và cô 6 Linh từ nhỏ được bà nội và cô L1 nuôi ăn học đến khi có chồng vẫn ở chung gia đình và chăm sóc Cô 6 Linh đến lúc chết năm 2022. Tôi có yêu cầu được chia một phần đất để sinh sống và ổn định chỗ ở trong nhà của N và Cô 6 tại vị trí theo đo đạc số I các cô, bác yêu cầu làm di sản thờ cúng tôi cũng đồng ý, tôi sẽ nhận thờ cúng và chăm sóc mồ mả và yêu cầu thêm một phần thừa kế là đất tương đương của cha và các cô bác để sinh sống. Nếu được chấp nhận yêu cầu tôi sẽ không yêu cầu bồi thường giá trị cây trồng.

Tại bản án sơ thẩm số 48/2025/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang nay là Tòa án nhân dân khu vực 14, thành phố Cần Thơ tuyên xử như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn Phùng Thị D.

Chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của bị đơn Phùng Văn Ú

Chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Phùng Thị Diễm H.

Phần đất tại vị trí số I mảnh trích đo địa chính là di sản thờ cúng cho tất cả các thừa kế của bà Phùng Thị L1 diện tích 1.256,6m² (trong đó có 200m² đất ONT và 1.056,6m² đất CLN). Giao cho chị Phùng Thị Diễm H đại diện quản lý, chăm sóc phần di sản thờ cúng gồm đất, công trình trên đất và cây trồng.

Giao cho nguyên đơn Phùng Thị D có quyền sử dụng 846,9m² có vị trí IIa 134,4m², IIb 472,8m², IIc 100,1m², IId 97,9m², IIe 41,7m².

Giao cho nguyên đơn Phùng Thị D có quyền sử dụng 846,9m² có vị trí IIIa 134,4m², IIIb 472,8m², IIIc 100,1m², IIId 97,9m², IIIe 41,7m². Phần đất được ông Phùng Văn U giao.

Giao cho nguyên đơn Phùng Thị D có quyền sử dụng 846,9m² có vị trí IVa 134,4m², IVb 472,8m², IVc 100,1m², IVd 97,9m², IVe 41,7m². Phần đất được ông Phùng Văn V giao.

Giao cho nguyên đơn Phùng Thị D có quyền sử dụng 846,9m² có vị trí Va 134,4m², Vb 472,8m², Vc 100,1m², Vd 97,9m², Ve 41,7m². Phần đất được các hàng thừa kế của ông Phùng Văn H1 nhường.

Giao cho bị đơn Phùng Văn Ú có quyền sử dụng 846,9m² có vị trí VIa 134,4m², VIb 472,8m², VIc 100,1m², VIId 97,9m², VIe 41,7m². Phần đất được các hàng thừa kế của ông Phùng Văn H1 nhường.

Giao cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phùng Thị Diễm H có quyền sử dụng 846,9m² có vị trí VIIa 134,4m², VIIb 472,8m², VIIc 100,1m², VIId 97,9m², VIIe 41,7m². Phần đất được các hàng thừa kế của ông Phùng Văn H1 nhường.

Kèm theo mảnh trích đo đại chính số 63 ngày 10/4/2025 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ.

Đình chỉ yêu cầu bồi thường giá trị cây trồng của chị Phùng Thị Diễm H do rút yêu cầu.

Buộc ông Phùng Văn Ú tháo dỡ nhà vị trí e, d, f công trình trên đất di dời cây trồng trả mặt bằng cho bà Phùng Thị D và các đồng thừa kế. Buộc chị Phùng

Thị Diễm H giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phùng Thị D để các đồng thừa kế thực hiện việc đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Phùng Thị D, ông Phùng Văn Ú, chị Phùng Thị Diễm H có nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích đất mà mình được giao theo quyết định của Bản án quy định của pháp luật, các đương sự có nghĩa vụ tạo điều kiện cho nhau khi thực hiện việc phân chia ranh giới đối với diện tích đất đã được giao.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn được miễn do là người cao tuổi có đơn xin miễn giảm án phí. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phùng Thị Diễm H phải chịu 17.950.000 đồng. Khấu trừ số tiền 5.000.000 đồng chị H đã nộp. Chị Phùng Thị Diễm H còn phải nộp số tiền 12.950.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04 tháng 6 năm 2025, nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phùng Văn U, Phùng Văn V, bà Phùng Thị T2 có đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng sửa án sơ thẩm, không đồng ý để chị Phùng Thị Diễm H là người quản lý di sản thờ cúng, yêu cầu giao lại cho ông Phùng Văn U.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phùng Thị D, ông Phùng Văn U, Phùng Văn V bà Phùng Thị T2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý để bà Phùng Thị Diễm H là người quản lý di sản thờ cúng.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn và những người liên quan có kháng cáo cho rằng bà H không phải là hàng thừa kế của bà Phùng Thị L1 nên không thể là người quản lý di sản thờ cúng, mặc khác bà H không có yêu cầu độc lập nên cấp sơ thẩm giao quyền quản lý cho bà H là không đúng quy định tại Điều 202 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Luật sư bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Phùng Văn Ú gửi bản luận cứ bảo vệ quyền lợi cho ông Ú đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 14 thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Phùng Thị D, Phùng Thị T2, Phùng Văn V, Phùng Văn U, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phùng Văn U, Phùng Văn V, Phùng Thị T2 kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Phùng Thị D và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Phùng Văn U, Phùng Văn V, bà Phùng Thị T2. Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thống nhất xác định nguồn gốc di sản thừa kế có diện tích 6.645,9m² là của bà Phùng Thị L1 chết để lại, bà L1 không có chồng con, cha mẹ của bà L1 cũng đều đã chết, bà L1 có 5 anh chị em thuộc hàng thừa kế thứ hai, gồm bà D, ông V, ông U, ông Ú, ông V và ông H1 (ông H1 chết có vợ các con kế thừa quyền lợi).

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự thống nhất chia di sản thừa kế cho các đồng thừa kế thứ hai của bà L1, ngoài ra còn chia 01 suất thừa kế cho bà Phùng Thị Diễm H (là con của ông Phùng Văn Ú) là người sống với bà L1 từ nhỏ và là người quản lý di sản sau khi bà L1 chết vào năm 2022, đồng thời thống nhất không chia phần đất có diện tích 1.256.6m² gồm nhà thờ và đất nền mộ của gia đình để lại làm di sản thờ cúng. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm giao quyền quản lý di sản thờ cúng cho bà Phùng Thị Diễm H nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thuộc hàng thừa kế thứ hai của bà L1 không đồng ý vì cho rằng, bà H không thuộc hàng thừa kế thứ hai của bà L1, những người thuộc hàng thừa kế thứ hai của bà L1 không thỏa thuận được cử người quản lý di sản thờ cúng vì trong hàng thừa kế có ông Phùng Văn Ú không đồng ý với yêu cầu của những người còn lại, ông Ú yêu cầu để bà Diễm H quản lý vì bà H có công chăm sóc và sinh sống với bà L1 từ nhỏ.

Đối với ý kiến này Hội đồng xét xử nhận thấy, về phần di sản thừa kế của người chết để lại không phải là của cha mẹ nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan mà là của bà Phùng Thị L1, bà H là cháu gọi bà L1 là cô ruột sinh sống với bà L1 từ nhỏ đến lúc bà L1 chết, có công chăm sóc nuôi dưỡng người để lại di sản, trong khi đó nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan sinh sống tại nơi khác có nhà cửa riêng, mặc khác bà H ở trên căn nhà của bà L1 vẫn đang thực hiện việc thờ cúng bà L1 và tổ tiên, việc giao cho bà H quản lý di sản này để thờ cúng chứ không phải xác lập quyền sử hữu cho cá

nhân bà H, nguyên đơn và các đồng thừa kế của bà L1 đều có quyền lui tới để cùng chăm sóc hương khói và mồ mã cho bà L1 và dòng họ tổ tiên. Nếu quá trình bà H quản lý di sản thờ cúng không làm tròn nghĩa vụ của người quản lý và có hành vi ngăn cản không cho các đồng thừa kế vào thờ cúng thì hàng thừa kế của bà L1 có quyền đề nghị thay đổi người quản lý di sản thờ cúng. Việc cấp sơ thẩm giao quyền quản lý di sản thờ cúng cho bà H quản lý trông coi, do bà H là người chăm sóc người để lại di sản đến cuối đời, đồng thời trên đất còn có nhiều cây trồng do bà H trồng lúc bà L1 còn sống, không có sự phản đối của bà L1, bà H không yêu cầu các đồng thừa kế thứ hai của bà L1 trả giá trị. Do vậy xét thấy việc cấp sơ thẩm giao cho bà H quản lý, trông coi di sản thờ cúng cũng không trái với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn cho rằng cấp sơ thẩm vượt quá phạm vi khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp di sản thừa kế, việc các đương sự thống để một phần đất nằm trong di sản dùng vào việc thờ cúng không chia, đây là quan hệ chia thừa kế không phải là một vụ án độc lập tranh chấp di sản thờ cúng, nên không chấp nhận ý kiến này của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn và những người có quyền lợi liên quan.

Từ những nhận định trên, xét kháng cáo của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ chấp nhận, chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Phùng Thị D, bà Phùng Thị T2, ông Phùng Văn U, Phùng Văn V là người cao tuổi nên được miễn theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 155, Điều 175 và Điều 176 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 26, Điều 131, Điều 223 của Luật Đất đai 2024.

- Áp dụng Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khoá 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Phùng Thị D và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị T2, ông Phùng V2 ăn V,

Phùng Văn U về việc không đồng ý để bà Phùng Thị Diễm H là người quản lý di sản thờ cúng.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 48/2025/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 14, thành phố Cần Thơ.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Phùng Thị D và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị T2, ông Phùng Văn U, ông Phùng Văn V là người cao tuổi nên được miễn theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 25 tháng 11 năm 2025.

